

Số: 343 /GPMT-STNMT-CCBVMT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 121/2003/QĐ-UB ngày 31 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về chuyển đổi mô hình tổ chức Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 736/QĐ-STNMT-VP ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về phân công công tác trong Ban Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo ý kiến của Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường Cơ sở "Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Central Park" tại địa chỉ 720A đường Điện Biên Phủ, Phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, kiểm tra ngày 16 tháng 5 năm 2023;





Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 84/CV-VMEC và Văn bản số 85/CV-VMEC cùng ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường đối với Cơ sở “Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Central Park” tại địa chỉ 720A đường Điện Biên Phủ, Phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ Môi trường tại Tờ trình số 696 /TTr-CCBVM-TĐMT ngày 17 tháng 4 năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec, địa chỉ văn phòng tại số 458, phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở “Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Central Park” tại địa chỉ 720A đường Điện Biên Phủ, Phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên Cơ sở: Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Central Park.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 720A đường Điện Biên Phủ, Phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp 0106050554 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 11 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 30 tháng 06 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 0106050554.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Bệnh viện đa khoa.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tổng diện tích khu đất thực hiện dự án: 8.542,1 m².

- Quy mô: Dự án có tiêu chí phân loại dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công trình gồm 01 khối nhà có 03 tầng hầm, 7 tầng nổi, tổng diện tích sàn xây dựng là 14.521,4 m², chiều cao công trình 30m; hoạt động 90 giường bệnh và các hạng mục công trình phụ trợ (theo nội dung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Chủ dự án).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải đảm bảo chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép xem xét, giải quyết; thực hiện thủ tục cấp đổi, cấp điều chỉnh, cấp lại Giấy phép môi trường theo quy định.

2.6. Giấy phép môi trường này được cấp cho Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec, kèm theo yêu cầu về bảo vệ môi trường khi xả chất thải ra môi trường, quản lý chất thải đối với hoạt động của dự án; là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Chủ đầu tư thực hiện hoạt động quy định tại khoản 4 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường. Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec có trách nhiệm tuân thủ quy chuẩn, quy hoạch có liên quan, quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước; thực hiện hoàn tất thủ tục đầu tư, quy hoạch, xây dựng, đất đai, pháp luật về xử lý, sắp xếp nhà, đất, tài sản,... (nếu có) đối với địa điểm hoạt động theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3: Thời hạn của Giấy phép môi trường: 10 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường được ký ban hành.

Giấy phép môi trường chấm dứt trước thời hạn trên theo kết quả giải quyết, xử lý có liên quan của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

Trường hợp Giấy phép môi trường có nội dung thay đổi, hoặc Giấy phép môi trường hết hạn, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện thủ tục cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường và quy định khác liên quan.

Điều 4: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. *Handwritten signature*

Nơi nhận: *Handwritten mark*

- Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- Ủy ban nhân dân Thành phố (để báo cáo);
- Sở Y tế;
- UBND/Phòng TNMT quận Bình Thạnh;
- UBND Phường 22, quận Bình Thạnh;
- Trang thông tin điện tử của Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT.HL.09. *Handwritten mark*

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Thanh Mỹ



PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...343.../GPMT-STNMT-CCBVMT ngày ..4/ tháng ...4.. năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ bồn cầu tại tất cả các tầng của tòa nhà.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ lavabo, tắm rửa tại tất cả các tầng của tòa nhà.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà bếp, căn tin tại tầng hầm 1 của tòa nhà.
- Nguồn số 04: Nước thải y tế từ hoạt động khám chữa bệnh.
- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động vệ sinh nhà chứa chất thải rắn, rửa thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt.
- Nguồn số 06: Nước thải vệ sinh tháp giải nhiệt.

Thành phần chất ô nhiễm trong nước thải gồm pH, BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Phosphat (tính theo P), dầu mỡ động, thực vật, tổng Coliforms, *Salmonella*, *Shigella*, *Vibrio cholerae*.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận: Hệ thống thoát nước chung của Thành phố trên đường Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí đầu nối xả thải: hệ thống thoát nước trên đường Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Toạ độ vị trí xả thải (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trục 105⁰45', múi chiếu 3⁰): X = 1.194.029; Y = 605.747.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 189 m³/ngày.đêm; 7,88 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức (Nước thải sau xử lý được bơm lên hố ga trung chuyển trên đường D8, tại hố ga này nước thải được bơm ra hệ thống thoát nước chung của thành phố trên đường Nguyễn Hữu Cảnh).



Thư

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục (24/24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, (K=1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 – 8,5	06 tháng/lần (theo đề xuất của Chủ dự án tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường)	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60		
3	COD	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60		
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12		
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24		
10	Tổng coliforms	MPN/100 ml	5.000		
11	<i>Salmonella</i>	Vi khuẩn/100ml	KPH		
12	<i>Shigella</i>	Vi khuẩn/100ml	KPH		
13	<i>Vibrio cholerae</i>	Vi khuẩn/100ml	KPH		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

– Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ bồn cầu tại tất cả các tầng của tòa nhà được thu gom bằng ống nhánh, dẫn vào ống trục đứng và dẫn về bể tự hoại kích thước 226,93m³. Sau đó, nước thải được đưa qua bể điều hòa trong hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện.





– Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ lavabo, tắm rửa tại tất cả các tầng của tòa nhà được thu gom bằng ống nhánh, dẫn vào ống trục đứng và dẫn về bể tự hoại. Sau đó, nước thải được đưa qua bể điều hòa trong hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện.

– Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà bếp, căn tin tại tầng hầm 1 sẽ được thu gom bằng ống nhánh, dẫn vào ống trục đứng và dẫn về bể tách mỡ. Sau đó, nước thải được đưa qua bể điều hòa trong hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện.

– Nguồn số 04: Nước thải y tế từ hoạt động khám chữa bệnh được dẫn qua đường ống thu gom và dẫn về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện.

– Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động vệ sinh nhà chứa chất thải rắn, rửa thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt được dẫn qua đường ống và dẫn về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện.

– Nguồn số 06: Nước thải vệ sinh tháp giải nhiệt được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện.

Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện được bơm lên hồ ga trung chuyển tại đường D8, tại hồ ga này được bố trí bơm chìm dẫn nước thải thoát vào hệ thống thoát nước thải chung của thành phố trên đường Nguyễn Hữu Cảnh.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

– Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải (nước thải từ nhà vệ sinh → bể tự hoại; nước thải nhà bếp, căn tin → bể tách mỡ ; các nguồn nước thải còn lại → song chắn rác) → bể điều hòa → bể sinh học thiếu khí và hiếu khí AO → bể lắng → bể khử trùng → nguồn tiếp nhận (hệ thống thoát nước chung của thành phố trên đường Nguyễn Hữu Cảnh).

– Công suất thiết kế: 200 m³/ngày đêm.

– Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

– Thường xuyên kiểm tra, bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn.

– Nạo vét hệ thống công rãnh định kỳ để khơi thông dòng chảy, tránh bị ứ đọng nước.





- Thường xuyên theo dõi hoạt động và bảo trì, bảo dưỡng bể tự hoại định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra.
- Xây dựng và vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng công suất, quy trình; niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.
- Đảm bảo nguồn cung cấp điện để duy trì hoạt động của các máy móc, thiết bị hệ thống xử lý nước thải.
- Lập sổ theo dõi lưu lượng, chất lượng nước thải và hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.
- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
- Khi phát hiện sự cố, ngưng hoạt động, hồi lưu toàn bộ nước thải không đạt tiêu chuẩn về bể điều hòa để tiến hành xử lý lại và nhanh chóng rà soát, xử lý sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại khoản 4, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A, Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của Dự án; đầu nối đúng quy định vào nguồn tiếp nhận nước thải (hệ thống thoát nước trên đường Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, quận Bình Thạnh).

3.4. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu gom, xử lý nước thải trước khi xả thải ra môi trường.

3.5. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.







PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
 (Kèm theo Giấy phép môi trường số³⁴³/GPMT-STNMT-CCBVMT
 ngày 19. tháng 4. năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

1.1. Các nguồn phát sinh bụi, khí thải không có hệ thống xử lý:

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ ống thoát khí thải của máy phát điện dự phòng số 1 công suất 1.650KVA.
- Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ ống thoát khí thải của máy phát điện dự phòng số 2 công suất 1.650KVA.

1.2. Các nguồn phát sinh khí thải có hệ thống xử lý:

- Nguồn số 03: Khí thải, mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 04: Khí thải từ nhà bếp nhân viên.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: tại số 720A đường Điện Biên Phủ, Phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thoát khí thải từ máy phát điện dự phòng số 1, công suất 1.650 kVA. Tọa độ vị trí xả thải: X = 1.193.831; Y = 605.944.
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thoát khí thải từ máy phát điện dự phòng số 2, công suất 1.650 kVA. Tọa độ vị trí xả thải: X = 1.193.831; Y = 605.945.
- Dòng khí thải số 03: Tương ứng với ống thoát khí thải nguồn số 03 và nguồn số 04 sau khi qua hệ thống xử lý. Tọa độ vị trí xả thải: X = 1.193.882; Y = 605.888.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

2.1 Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là $6.433 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là $6.433 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là $50.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

– Dòng khí thải số 01, 02: Khí thải xả ra môi trường qua ống thoát khí thải của máy phát điện dự phòng, xả gián đoạn (chỉ xả khi sử dụng máy phát điện).

– Dòng khí thải số 03: Khí thải xả ra môi trường qua ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải, xả liên tục (24/24 giờ).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường như sau:

- Bụi và khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (dòng khí thải số 01, 02) chỉ xả gián đoạn trong trường hợp có sự cố mất điện, không yêu cầu có hệ thống xử lý khí thải nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng cho các thiết bị này phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Chất lượng khí thải, mùi (dòng thải số 03) trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, $K_p = 0,9$, $K_v = 0,6$), Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20: 2009/BTNMT, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Amoniac (NH_3)	mg/Nm^3	27	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐCP)
2	Hydro sunfua (H_2S)	mg/Nm^3	4,05		
3	Metyl mercaptan (CH_3SH)	mg/Nm^3	15		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

– Nguồn số 01: Khí thải xả vào môi trường qua ống thoát khí đường kính D600mm, chiều cao 8m (tính từ mặt đất, vượt mái 2,0m).





- Nguồn số 02: Khí thải xả vào môi trường qua ống thoát khí đường kính D600mm, chiều cao 8m (tính từ mặt đất, vượt mái 2,0m).
- Nguồn số 03: Khí thải từ các bể trong hệ thống xử lý nước thải được thu gom bằng đường ống uPVC đường kính D163mm dài 29,75m dẫn vào tháp xử lý khí thải tại tầng hầm B3, khí thải sau tháp xử lý khí được hút lên tháp xử lý tại tầng tum. Khí thải sau tháp xử lý khí thải tại tầng tum được thoát lên miệng tháp có đường kính D300mm dài 0,2m.
- Nguồn số 04: Khí thải từ bếp ăn tại tầng hầm B1 được thu gom bằng hệ thống chụp hút, sau đó qua quạt hút lên tháp xử lý tại tầng tum (xử lý chung với khí thải từ các bể trong hệ thống xử lý nước thải). Khí thải sau tháp xử lý khí thải tại tầng tum được thoát lên miệng tháp có đường kính D300mm dài 0,2m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Hệ thống xử lý khí thải từ hệ thống xử lý nước thải:

+ Tóm tắt quy trình xử lý: Khí thải từ hệ thống xử lý nước thải → tháp xử lý (tháp hấp thụ) → quạt hút → ống dẫn khí thải vào hệ thống xử lý khí tập trung.

+ Thông số kỹ thuật: ống dẫn khí thải vào hệ thống xử lý khí tập trung bằng ống nhựa PVC đường kính D163mm, dài 35m.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine, NaOH.

- Hệ thống xử lý khí thải từ hệ thống xử lý nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý khí thải và khí thải tại nhà bếp nhân viên:

+ Tóm tắt quy trình xử lý: Khí thải từ hệ thống xử lý nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý khí thải + khí thải tại nhà bếp nhân viên → quạt hút → Tháp hấp thụ → Ống thoát khí thải

+ Thông số kỹ thuật: ống thoát khí thải có chiều dài 0,2m (tính từ đỉnh tháp xử lý), đường kính D300mm, chất liệu ống thép inox 304.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine, NaOH.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Đảm bảo vận hành theo đúng kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của thiết bị, kiểm tra việc rò rỉ và khắc phục, sửa chữa, thay thế đường ống nếu có hư hỏng.





- Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống thông gió như quạt hút, ống dẫn để kịp thời thay thế nếu hư hỏng.
- Đảm bảo vận hành thường xuyên hệ thống xử lý chất thải đúng kỹ thuật.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Đảm bảo bụi, khí thải phát sinh tại dự án phải được thu gom, xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, $K_p = 0,9$, $K_v = 0,6$); QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

3.4. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.



PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số**343**.../GPMT-STNMT-CCBVMT
ngày **19**. tháng **4**. năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Hoạt động của máy phát điện dự phòng số 1, công suất 1.650 kVA.
- Nguồn số 02: Hoạt động của máy phát điện dự phòng số 2, công suất 1.650 kVA.
- Nguồn số 03: Hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 04: Hoạt động của hệ thống máy lạnh trung tâm.
- Nguồn số 05: Hoạt động các phương tiện giao thông ra vào Bệnh viện.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1.193.831; Y = 605.944.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1.193.831; Y = 605.945.
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 1.193.882; Y = 605.888.
- Nguồn số 04: Tọa độ X = 1.193.847; Y = 605.914.
- Nguồn số 05: Tọa độ X = 1.193.886; Y = 605.953.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	Không	Khu vực đặc biệt





3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ		
1	60	55	Không	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

– Lắp đặt các bộ phận giảm âm trong các thiết bị, máy móc cơ khí gây ồn như đệm chân đế (đế cao su, đế lò xo,...).

– Thường xuyên theo dõi và bảo dưỡng máy móc, thiết bị để máy luôn hoạt động tốt; kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ mòn chi tiết và thường kỳ bôi trơn dầu mỡ.

– Nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải được thiết kế kín, có cửa ra vào nhằm hạn chế tiếng ồn; sử dụng bơm chìm đối với cả bơm nước thải và nước cấp.

– Bảo trì, bảo dưỡng máy bơm, máy thổi khí theo định kỳ, thay những chi tiết hư hỏng hay thay thế kịp thời các máy bơm, máy thổi khí khi đã xuống cấp như hướng dẫn của nhà sản xuất.

– Lắp đặt đệm chống rung bằng đệm cao su cho máy bơm nước thải, máy thổi khí trong hệ thống xử lý nước thải đảm bảo độ cân bằng của máy móc khi hoạt động.

– Trồng cây xanh xung quanh khu vực Dự án để hạn chế tiếng ồn và điều hòa không khí trong khu vực Dự án.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

– Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của Dự án, đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

– Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của Dự án.

**PHỤ LỤC 4**

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số343...../GPMT-STNMT-CCBVM
ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải lây nhiễm phát sinh:**

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	13 01 01	112
2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	13 01 01	5.487
3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	13 01 01	158
4	Chất thải giải phẫu	13 01 01	85
	Tổng		5.842

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	3
2	Dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải Cytotoxic and cytostatic medicines	13 01 03	574
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	34
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	3.797
5	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	18 01 04	4.052

6	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	1.541
7	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	38.730,5
Tổng khối lượng			48.731,5

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh: 381.280 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải lây nhiễm, chất thải nguy hại không lây nhiễm:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.1.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải có khả năng tái chế

2.1.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 03 thùng chứa có dung tích 660L.

2.1.1.2. Phòng lưu chứa:

– Diện tích: 15 m².

– Vị trí bố trí: tầng trệt, phía sau bệnh viện.

– Thiết kế, cấu tạo: nền bê tông chống thấm, mái che, vách tường, xung quanh được xây kín, có cửa ra vào, có dán nhãn trên cửa ra vào.

2.1.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải còn lại

2.1.2.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 08 thùng chứa có dung tích 660L.

2.1.2.2. Phòng lưu chứa:

– Diện tích: 15 m².

– Vị trí bố trí: tầng trệt, phía sau bệnh viện.

– Thiết kế, cấu tạo: nền bê tông chống thấm, mái che, vách tường, xung quanh được xây kín, có cửa ra vào, có dán nhãn trên cửa ra vào.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải lây nhiễm

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 16 thùng chứa có dung tích 240L, có nắp đậy, dán tên, phân loại màu theo quy định.

2.2.2. Phòng lưu chứa:

– Diện tích: 15 m².

– Vị trí bố trí: tầng trệt, phía sau bệnh viện.

– Thiết kế, cấu tạo: được xây dựng kiên cố, nền bê tông chống thấm, cửa có khóa, có lắp máy lạnh, phía trên có mái che để tránh khi trời mưa gây ẩm ướt, có biển cảnh báo và dán nhãn theo đúng quy định Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.





2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại không lây nhiễm

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 08 thùng chứa có dung tích 240L, có nắp đậy, dán tên, phân loại màu theo quy định.

2.3.2. Phòng lưu chứa:

- Diện tích: 15 m².
- Vị trí bố trí: tầng trệt, phía sau bệnh viện.
- Thiết kế, cấu tạo: được xây dựng kiên cố, nền bê tông chống thấm, cửa có khóa, có lắp máy lạnh, phía trên có mái che để tránh khi trời mưa gây ẩm ướt, có biển cảnh báo và dán nhãn, có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.3.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu chứa bùn từ hệ thống xử lý nước thải:

- Bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom về bể tự hoại có dung tích khoảng 226,93 m³.
- Thiết kế, cấu tạo: Tường và đáy bể bằng bê tông cốt thép chống thấm.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất, sự cố hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thoát khí thải và các sự cố môi trường khác theo quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.







PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số343/GPMT-STNMT-CCBVMT ngày 19 tháng 04 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

– Đã hoàn thành các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 1400/QĐ-TNMT-CCBVMT ngày 08 tháng 12 năm 2014 đối với quy mô hoạt động 90 giường bệnh (theo Quyết định số 234/QĐ-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Bộ Y tế về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật chuyên môn đối với Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec Central Park và Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 182/BYT-GPHĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Bộ Y tế).

– Công ty tiếp tục hoàn thành các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 1400/QĐ-TNMT-CCBVMT đối với quy mô hoạt động 178 giường bệnh.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường của Dự án.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định.



4. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; cập nhật, lưu giữ thông tin, số liệu về môi trường để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết. /





H. YÊU CẦU VÀ BỒI HƯỜNG ĐÀ TẠNG SINH HỌC

Dự án không được chỉ đạo, quản lý hoặc liên hệ hoặc là người tiếp xúc

C. CÁC NỘI DUNG CHỈ ĐƯỢC TIẾP XÚC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN GIÁM ĐỐC VÀ CÁC TÁC ĐỘNG KHÁC THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN GIÁM ĐỐC (MÔI TRƯỜNG)

- Các nội dung chỉ được tiếp xúc trong trường hợp có yêu cầu về bảo vệ môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được 58 T.Ái ngày 05/10/2014 và có sự đồng ý của Ban Giám đốc và Ban Quản lý dự án (theo Quyết định số 184/QĐ-T.Ái ngày 28 tháng 01 năm 2015 của Ban Giám đốc và Ban Quản lý dự án) và được chấp thuận bởi Ban Giám đốc và Ban Quản lý dự án (theo Quyết định số 182/QĐ-T.Ái ngày 13 tháng 11 năm 2014 của Ban Giám đốc và Ban Quản lý dự án).

- Công tác tiếp xúc môi trường được thực hiện theo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo các đánh giá tác động môi trường đã được 58 T.Ái ngày 05/10/2014 và Ban Giám đốc và Ban Quản lý dự án (theo Quyết định số 184/QĐ-T.Ái ngày 28 tháng 01 năm 2015 của Ban Giám đốc và Ban Quản lý dự án) và được chấp thuận bởi Ban Giám đốc và Ban Quản lý dự án (theo Quyết định số 182/QĐ-T.Ái ngày 13 tháng 11 năm 2014 của Ban Giám đốc và Ban Quản lý dự án).

D. TIẾP XÚC KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Ban Quản lý dự án và tư vấn môi trường về thông tin số liệu lượng phát thải các chất ô nhiễm gây tác động môi trường và các nội dung giải pháp đã nộp kèm theo hồ sơ xin cấp phép xây dựng và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Qua các cơ chế tiếp xúc môi trường và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện chính sách môi trường và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.